TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 74/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 15 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và 84, 116 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 678/2022/HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Tấn C, sinh năm 1979; địa chỉ: Số A đường B, Khu phố D, thị trấn E, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1982; địa chỉ: Số F Đường K, Khu phố M, phường N, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tấn C và bà Nguyễn Thị Thu V tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 52, Quyển số 01/2008 đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường N, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/04/2008).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 15 (năm) năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng, khác biệt quan điểm cuộc sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 88, Quyển số 01/2009 ngày 02/4/2009 và Giấy khai sinh số 05, Quyển số 01/2015 của UBND phường N, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh cùng lời thừa nhận của ông C, bà V; ông bà có 02

(hai) con chung họ và tên Trần Minh L (giới tính: Nam), sinh ngày 24/02/2009 và Trần Minh M (giới tính: Nam), sinh ngày 01/01/2015.

Sau khi ly hôn, ông Trần Tấn C và bà Nguyễn Thị Thu V thỏa thuận; giao hai con chung là trẻ Trần Minh L và Trần Minh M cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng/cho mỗi trẻ. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 03/2023 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Ông Trần Tấn C được quyền và có nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Trần Tấn C chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Trần Tấn C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Tấn C và bà Nguyễn Thị Thu V xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Tấn C và bà Nguyễn Thị Thu V xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Trần Tấn C và bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tấn C và bà Nguyễn Thị Thu V thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 52, Quyển số 01/2008 đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường N, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/04/2008).

1.2. Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 88, Quyển số 01/2009 ngày 02/4/2009 và Giấy khai sinh số 05, Quyển số 01/2015 của UBND phường N, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh cùng lời thừa nhận của ông C, bà T; ông bà có 02 (hai) con chung họ và tên Trần Minh L (giới tính: Nam), sinh ngày 24/02/2009 và Trần Minh M (giới tính: Nam), sinh ngày 01/01/2015.

Giao hai con chung là trẻ Trần Minh LM và Trần Minh M cho bà Nguyễn Thị Thu V trực tiếp nuôi dưỡng; ông C thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng/cho mỗi trẻ. Bắt đầu thực hiện từ tháng 03/2023 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Trần Tấn C được quyền và có nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Trần Tấn C chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Trần Tấn C và bà Nguyễn Thị Thu V phải nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0015044 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Tấn C và bà Nguyễn Thị Thu V đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- VKS nhân dân Quận 7;
- Chi cục THA dân sự Quận 7;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.Thu).

Lê Thuần Phong